TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 -3 -2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Bích H; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Hữu T; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Hữu T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 8 năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 51, ngõ 183 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đến năm 2012 thì chuyển về sống tại Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau hòa

thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, anh T đã nhiều lần đánh đuổi mẹ con chị. Từ năm 2018 đến nay, chị và anh Bùi Hữu T đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Hữu T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Hữu T có hai con chung là Bùi Hữu D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2001 và Bùi Hữu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Hữu H cho chị nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Bùi Hữu D đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Trần Thị Bích H trình bày là đúng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau có phát sinh những mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hòa hợp, cuộc sống khó khăn nên vợ chồng không thông cảm được cho nhau và có những hiểu lầm dẫn đến sự rạn nứt trong tình cảm. Anh thừa nhận có đánh đuổi chị H nhưng là do bị hoàn cảnh ép buộc để bảo vệ gia đình. Khi chị H và các con bỏ ra ngoài ở anh đã nói chuyện giải thích với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay, chị Trần Thị Bích H xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giúp đỡ để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Bích H có 02 con chung là Bùi Hữu D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2001 và Bùi Hữu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Bùi Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Bùi Hữu T; giao con chung Bùi Hữu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 cho chị Trần Thị Bích H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Bùi Hữu D đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống. Việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung không giải quyết. Chị Trần Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Bích H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Hữu T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Hữu T hiện đang cư trú tại Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Chị Trần Thị Bích H và anh Bùi Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2001; theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trần Thị Bích H và anh Bùi Hữu T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Anh Bùi Hữu T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích H và anh Bùi Hữu T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Trần Thị Bích H đối với anh Bùi Hữu T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Bùi Hữu T có hai con chung là Bùi Hữu D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2001 và Bùi Hữu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003. Trong quá trình tố tụng, anh T có quan điểm xin được nuôi con chung Bùi Hữu H nhưng tại phiên tòa anh T không có quan điểm về việc nuôi con do không đồng ý ly hôn; chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Bùi Hữu H. Xét thấy, chị H và anh T đều là lao động tự do nên khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là như nhau. Con chung Bùi Hữu H có nguyện vọng được sống cùng chị H, nên xem xét giao con chung Bùi Hữu H cho chị Trần Thị Bích H nuôi dưỡng là phù hợp. Con chung Bùi Hữu D đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Bùi Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Bùi Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Hữu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2003 cho chị Trần Thị Bích H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Bùi Hữu D, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2001 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp 300.000đ án phí sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0004636 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND phường Đông Hải, Q. Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi **Ngô Văn Miền** **Trương Minh Huế**